

Số: /KH-UBND

Hoàng Hà, ngày tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn xã theo quy định tại khoản 12 Mục II NQ số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của CP và Quyết định số 18 ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ; Công văn số 135/LĐTBXH ngày 8 tháng 9 năm 2021 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Hoàng Hóa về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng gặp khó khăn do đại dịch Covid- 19 trên địa bàn huyện.

UBND xã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phổ biến, quán triệt, triển khai đồng bộ các nội dung của Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ;

2. Yêu cầu

- Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch; không bỏ sót, trùng lặp đối tượng, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp trục lợi, dụng chính sách chế độ hỗ trợ.

- Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ, không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia. Trong trường hợp đối tượng vừa đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số

68/NQ-CP thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

- Thực hiện rà soát, lập hồ sơ hoàn thành việc hỗ trợ chính sách cho người lao động **xong trước ngày 31/01/2022**.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, MỨC VÀ PHƯƠNG THỨC CHI TRẢ

1. Đối tượng hỗ trợ

Người lao động (theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Việc làm) không có giao kết hợp đồng lao động (*lao động tự do*), làm việc và cư trú hợp pháp trên địa bàn xã (không thuộc các trường hợp đang hưởng lương hưu, trợ cấp xã hội, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp ưu đãi hàng tháng), làm một trong các công việc sau:

- a) Thu gom rác, phế liệu không có địa điểm cố định;
- b) Bốc vác, vận chuyển hàng hóa;
- c) Lái xe mô tô 02 bánh chở khách (xe ôm truyền thống và xe công nghệ), xe xích lô chở khách;
- d) Đánh giày, thợ xây, phụ hồ; giúp việc gia đình theo giờ, theo ngày không có địa điểm cố định;
- e) Bán lẻ vé số lưu động;
- f) Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định;
- g) Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong các lĩnh vực: Ăn uống, lưu trú, du lịch; cơ sở làm đẹp, chăm sóc sức khỏe; cơ sở dịch vụ cung cấp dịch vụ không thiết yếu. (*Chi tiết có Phụ lục I kèm theo*)

2. Điều kiện hỗ trợ

Người lao động thuộc đối tượng quy định nêu trên được xem xét hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Bị mất việc làm, không có thu nhập, gặp khó khăn ở trong các khu vực bị phong tỏa, cách ly hoặc phải dừng, tạm dừng hoạt động trên địa bàn xã Hoằng Hà theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (UBND tỉnh, UBND cấp huyện) để phòng, chống dịch Covid-19 trong khoảng thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

3. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả:

a) Mức hỗ trợ: Mỗi người chỉ được hỗ trợ một lần với mức 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thời gian thực tế tạm dừng hoạt động bị mất việc làm nhưng không quá 1.500.000 đồng/người/lần hỗ trợ.

b) Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động bằng tiền mặt hoặc qua tài khoản ngân hàng (*đối với trường hợp cá nhân có tài khoản ngân hàng*).

4. Hồ sơ đề nghị

- Đề nghị hỗ trợ (01 bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 18 ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh.

- Người lao động nộp trực tiếp đề nghị hỗ trợ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã .

III. TRÌNH TỰ, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Thành lập Hội đồng xét duyệt:

Chủ tịch UBND xã thành lập Hội đồng xét duyệt (sau đây gọi tắt là Hội đồng) gồm các thành phần sau:

- Chủ tịch UBND xã là Chủ tịch Hội đồng; 01 Phó Chủ tịch UBND xã là Phó Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm: Công chức Văn hóa - Xã hội, công chức Tư pháp - Hộ tịch, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Hội phụ nữ, Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh, Chủ tịch Hội Nông dân, Bí thư Đoàn thanh niên, Trưởng Công an.

- Mời đại diện cấp thôn (đối với thôn có người lao động gửi đề nghị hỗ trợ): Bí thư chi bộ, Trưởng thôn.

2. Thời gian thực hiện

- Trong thời hạn tối đa 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị hỗ trợ của người lao động.

- Vào ngày thứ 5 hàng tuần, UBND xã tổ chức tổng hợp, kiểm tra danh sách người lao động thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

- Hội đồng xét duyệt xã tổ chức họp, xét duyệt hồ sơ, lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ. Trường hợp người lao động không đủ điều kiện hỗ trợ, UBND xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- UBND xã niêm yết công khai danh sách người lao động đủ điều kiện hỗ trợ tại nhà văn hóa thôn, trụ sở UBND xã và thông báo tối thiểu 04 lần trên hệ thống truyền thanh cơ sở trong 02 ngày làm việc, đồng thời đăng tải công khai danh sách người lao động đủ điều kiện hỗ trợ trên trang thông tin điện tử của UBND xã. Trường hợp không có phản ánh, khiếu kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc niêm yết, công khai thì UBND xã có Tờ trình (kèm theo danh sách người lao động đủ điều kiện hỗ trợ, biên bản họp Hội đồng) trình Chủ tịch UBND cấp huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của UBND cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời, gửi quyết định về Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp. Trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ, UBND cấp xã thực hiện chi trả hỗ trợ cho người lao động.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND xã

- Là cơ quan Thường trực, chủ trì, phối hợp với MTTQ và các đoàn thể triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đảm bảo theo quy định.

- Trực tiếp nhận đề nghị hỗ trợ lao động, nhập các dữ liệu, đăng tải thông tin trên phần mềm 1 cửa điện tử và trang thông tin điện tử theo quy định.

- Chủ động, kịp thời xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện hoặc tham mưu, đề xuất ý kiến báo cáo Phòng LĐTBXH huyện, UBND huyện nếu phát sinh những nội dung vượt thẩm quyền.

2. Ban Công an xã

Tăng cường bảo đảm an ninh trật tự; chủ động nắm bắt tình hình, tham mưu thực hiện các biện pháp ngăn ngừa và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với những trường hợp có hành vi lợi dụng, trục lợi chính sách.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, thông tin đến nhân dân, hội viên về nội dung chính sách hỗ trợ theo quy định tại Kế hoạch này; đồng thời, phối hợp với UBND xã trong việc triển khai thực hiện chính sách.

4. Trưởng các thôn

- Tuyên truyền, phổ biến, thông tin về nội dung chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND tỉnh Thanh Hóa và Kế hoạch này.

- Bám sát, theo dõi tình hình lao động trong thôn, rà soát, trực tiếp đề xuất về UBND xã đối với các trường hợp đề nghị hỗ trợ theo kế hoạch này.

- Thông báo đến đối tượng thuộc diện hỗ trợ theo quy định nắm bắt và hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Thực hiện việc niêm yết công khai danh sách đối tượng trong thôn được thụ hưởng chế độ.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/ NQ- CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, quyết định số 18 ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ. Đề nghị các bộ phận triển khai nghiêm túc theo kế hoạch./.

Nơi nhận:

- T.Tr Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- T.Tr UBMTTQ, các đoàn thể (p/h);
- Tổ rà soát (t/h);
- Bí thư CB, trưởng thôn 4 thôn (t/h);
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khang

PHỤ LỤC 1:
Công việc người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do)
làm việc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc đối tượng hỗ trợ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2021/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Công việc	Chi tiết
1	Thu gom rác, phế liệu không có địa điểm cố định	Thu gom rác; thu mua nhôm, đồng, sắt vụn, phế liệu (giấy, nhựa, hộp đựng đồ uống đã qua sử dụng) không có địa điểm cố định
2	Bốc vác, vận chuyển hàng hóa	Bốc vác tại các chợ, bến tàu, bến xe, bến cảng, nhà kho; vận chuyển hàng hóa thuê bằng xe thô sơ, xe mô tô, xe xích lô, xe ba gác, xe đẩy tại các chợ, các ga đường sắt, cảng sông, cảng biển, cảng hàng không
3	Lái xe mô tô 02 bánh chở khách (xe ôm truyền thống và xe công nghệ), xe xích lô chở khách	
4	Đánh giày, thợ xây, phụ hồ; giúp việc gia đình theo giờ, theo ngày không có địa điểm cố định	
5	Bán lẻ vé số lưu động	
6	Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định	1. Bán sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm; 2. Bán rau, củ, quả; bán quà, bánh, đồ ăn, nước uống; 3. Bán lương thực, thực phẩm, thuốc lá, thuốc lào; 4. Bán hàng lưu niệm, hàng đan lát, thủ công mỹ nghệ; 5. Bán đồ dùng lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh; 6. Bán hàng may mặc, giày dép, cặp, túi, ví; 7. Bán đồ chơi trẻ em; 8. Bán hàng tích hợp trên các phương tiện di chuyển như xe đẩy, xe đạp, xe máy, xe tải nhỏ không có địa điểm cố định
7	Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong các lĩnh vực: - Ăn uống, lưu trú, du lịch;	1. Phục vụ tại quán ăn, quán bia, quán rượu, quán cà phê, nước giải khát; 2. Nhân viên buồng, bàn, lễ tân tại các cơ sở lưu trú nhỏ lẻ (nhà khách, nhà nghỉ,

STT	Công việc	Chi tiết
	- Cơ sở làm đẹp, chăm sóc sức khỏe; - Cơ sở dịch vụ cung cấp dịch vụ không thiết yếu	nhà trọ, phòng trọ, các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự khác); 3. Hướng dẫn viên du lịch tự do không có giao kết hợp đồng lao động; 4. Nhân viên cơ sở sản xuất nem, giò, chả, bún, miến, bánh, phở. 5. thợ cắt tóc, uốn tóc, gội đầu, làm móng tay-chân; nhân viên massage, xoa bóp y học, châm cứu; 6. Phục vụ, nhân viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn tại quán bar, các cơ sở kinh doanh karaoke, spa, phòng tập gym, yoga, bi-a, các cơ sở cung cấp trò chơi điện tử, điểm truy cập Internet.

PHỤ LỤC 2: Mẫu đề nghị hỗ trợ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2021/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Họ và tên:Ngày, tháng, năm sinh:/...../....
- Dân tộc:Giới tính:
- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:.....
- Nơi ở hiện tại:.....
Nơi thường trú (theo Sổ hộ khẩu):
Nơi tạm trú (theo Sổ tạm trú):
Điện thoại liên hệ:
- Thời gian bị mất việc làm, không có thu nhập: Từ ngày/...../2021 đến ngày/...../2021

II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM

1. Công việc chính¹:

- ☐ Thu gom rác, phế liệu không có địa điểm cố định;
- ☐ Bóc vác, vận chuyển hàng hóa;
- ☐ Lái xe mô tô 02 bánh chở khách (xe ôm truyền thống và xe công nghệ), xe xích lô chở khách;
- ☐ Đánh giày, thợ xây, phụ hồ; giúp việc gia đình theo giờ, theo ngày không có địa điểm cố định;
- ☐ Bán lẻ vé số lưu động;
- ☐ Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định;
- ☐ Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong các lĩnh vực: Ăn uống, lưu trú, du lịch; cơ sở làm đẹp, chăm sóc sức khỏe; cơ sở dịch vụ cung cấp dịch vụ không thiết yếu (ghi rõ công việc cụ thể)²:

2. Nơi làm việc ³:

.....

Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, tôi đề nghị⁴ xem xét, giải quyết hỗ trợ theo quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

☐ Tài khoản:

Tên tài khoản:..... Số tài khoản:

Ngân hàng:

☐ Trực tiếp

Tôi cam kết nội dung đề nghị hỗ trợ này chỉ thực hiện tại⁴ không lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại bất kỳ địa phương nào khác, các nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CHỦ HỘ KINH DOANH
(nếu có)

..... ngày.....tháng.....năm 2021
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Công việc đem lại thu nhập chính cho người lao động.
2. Ghi một trong các công việc cụ thể sau: Phục vụ tại quán ăn, quán bia, quán rượu, quán cà phê, nước giải khát; nhân viên buồng, bàn, lễ tân tại các cơ sở lưu trú nhỏ lẻ (nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, phòng trọ, các cơ sở lưu trú ngăn nắp tương tự khác); hướng dẫn viên du lịch tự do không có giao kết hợp đồng lao động; nhân viên cơ sở sản xuất nem, giò, chả, bún, miến, bánh, phở; thợ cắt tóc, uốn tóc, gội đầu, làm móng tay-chân; nhân viên massage, xoa bóp y học, châm cứu; phục vụ, nhân viên, huấn luyện viên, người hướng dẫn tại quán bar, các cơ sở kinh doanh karaoke, spa, phòng tập gym, yoga, bi-a, các cơ sở cung cấp trò chơi điện tử, điểm truy cập Internet.
3. Trường hợp làm việc cho hộ kinh doanh thì ghi tên, địa chỉ hộ kinh doanh.
4. UBND xã/phường/thị trấn nơi đăng ký hưởng chế độ.